

Số: /SXD-KTVL

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

V/v báo cáo kết quả kiểm tra việc
thực hiện kê khai, niêm yết giá vật
liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh
(báo cáo đợt 1).

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 173/TB-UBND ngày 29/4/2026; trong đó: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, báo cáo “*Tình hình thực hiện việc niêm yết giá, kê khai, công khai giá vật liệu xây dựng (đất đắp, cát xây dựng, đá xây dựng) theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành; các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân; đề xuất giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản lý, bình ổn giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh*”; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước **ngày 10/5/2026**.

Toàn tỉnh có 198 mỏ đá làm VLXDTT công suất 8,94 triệu m³/năm; riêng địa bàn xã Quý Lộc có 41 giấy phép (36 đơn vị) được cấp phép khai thác đá làm VLXD thông thường với tổng trữ lượng khai thác còn lại 40.810.108m³; tổng công suất cấp phép 1.765.500m³/năm (**chiếm 19,77% công suất toàn tỉnh**). Từ ngày 04/5/2026, Sở Xây dựng đã phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra 41 Giấy phép khai thác đá trên địa bàn xã Quý Lộc. Qua kiểm tra bước đầu, Sở Xây dựng báo cáo kết quả như sau:

1. Việc tổ chức thực hiện khai thác, chế biến khoáng sản, kê khai giá và niêm yết giá

Trên địa bàn xã Quý Lộc có 41 giấy phép (36 đơn vị) được cấp phép khai thác đá làm VLXD thông thường với tổng trữ lượng khai thác còn lại 40.810.108m³; tổng công suất cấp phép 1.765.500m³/năm (**chiếm 19,77% công suất toàn tỉnh**); tại thời điểm kiểm tra cho thấy:

- Đơn vị chưa đủ điều kiện khai thác: 01 là Công ty TNHH Tuyền Huế (Giấy phép khai thác số 182/GP-UBND ngày 17/9/2021); lý do: Đơn vị chưa thuê được đất (*tại cột số 4 phụ lục kèm theo*);

- Đơn vị đủ điều kiện khai thác nhưng không hoạt động khai thác: 01 là Công ty TNHH Hoàng Quân (*Giấy phép khai thác số 438/GP-UBND ngày 27/11/2014; tại cột số 5 phụ lục kèm theo*);

- Đơn vị khai thác nhưng trữ lượng khai thác thấp (nhỏ hơn 80% công suất thiết kế): Có 14 đơn vị (*tại cột số 6 phụ lục kèm theo*);

- Đơn vị không thực hiện kê khai giá gửi về UBND xã Quý Lộc và Sở

Xây dựng Năm 2025 và Quý 1 năm 2026: 01 đơn vị (tại cột số 7 phụ lục kèm theo);

- Đơn vị không niêm yết giá bán tại nơi sản xuất: 01 đơn vị (tại cột 8 phụ lục kèm theo);

Nhận xét kết quả kiểm tra:

- Về sản lượng khai thác thực tế: Trong năm 2025 và Quý I năm 2026 có 35 đơn vị (gồm 39 Giấy phép) hoạt động khai thác, chế biến đá làm VLXD thông thường: Với tổng trữ lượng khai thác năm 2025 là 990.943m^3 /trữ lượng cấp phép $1.765.500\text{m}^3$ (đạt 56% công suất cấp phép/năm); Quý I năm 2026 là 273.805m^3 /trữ lượng cấp phép, đạt 15% công suất cấp phép (tương đương với khoảng 60% công suất cấp phép/năm).

- Về đáp ứng nhu cầu vật liệu: Với 41 Giấy phép tại xã Quý Lộc công suất khai thác chiếm 19,77% công suất toàn tỉnh; Tuy nhiên, sản lượng khai thác chỉ đáp ứng được 9,4 % nhu cầu đá làm vật liệu xây dựng toàn tỉnh; nên tình trạng khó khăn về nguồn cung vật liệu (đá 1x2, đá mặt, đá Base...) vẫn chưa được giải quyết.

2. Kiểm tra Hợp đồng kinh tế mua bán, các hóa đơn, chứng từ xuất bán VLXD tại năm 2025 và Quý 1/2026 của doanh nghiệp:

Các đơn vị đã cung cấp 01 số Hợp đồng và Hoá đơn minh chứng cho việc kê khai giá tương ứng với sản lượng đã bán ra năm 2025 và Quý I năm 2026.

3. Sự phù hợp giữa báo giá và hóa đơn VAT xuất bán:

Theo Hoá đơn các đơn vị cung cấp cho thấy: Hoá đơn VAT và Bảng kê khai giá bán (do đơn vị kê khai) là bằng nhau.

Các đơn vị đều cam kết kế hoạch sản xuất trong các tháng, quý tiếp theo đảm bảo đúng, đủ công suất đã cấp phép.

4. Kê khai giá bán hiện tại của một số loại vật liệu của các đơn vị được kiểm tra (giá bán chưa có VAT)

- Giá đá 1x2 bình quân từ 272.727 đồng/ m^3 đến 318.182 đồng/ m^3 .
- Giá đá mặt bình quân từ 181.818 đồng/ m^3 đến 250.000 đồng/ m^3 .
- Giá đá Base A bình quân từ 209.091 đồng/ m^3 đến 254.000 đồng/ m^3 .
- Giá đá Base B bình quân từ 163.636 đồng/ m^3 đến 227.273 đồng/ m^3 .

5. Tồn tại, hạn chế

- Trên địa bàn xã Quý Lộc có 41 Giấy phép khai thác đá (chiếm khoảng 19,77% công suất toàn tỉnh); tuy nhiên, nhiều đơn vị sản xuất không đạt công suất được cấp phép; một số đơn vị dừng sản xuất; do đó, chỉ đáp ứng được 9,4% nhu cầu đá làm vật liệu xây dựng toàn tỉnh, nên gây tình trạng thiếu nguồn cung vật liệu cho thi công công trình trên địa bàn tỉnh.

- Trong thời gian qua việc bổ sung nguồn cung đá vật liệu xây dựng còn hạn chế, cụ thể: Phần lớn các mỏ không thực hiện được việc nâng công suất; đối với các mỏ đã trúng đấu giá, số lượng Doanh nghiệp hoàn thành hồ sơ cấp phép để đưa mỏ vào khai thác còn thấp.

6. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở kết quả kiểm tra ban đầu của 41 Giấy phép khai thác đá trên địa bàn xã Quý Lộc và các tồn tại, hạn chế đã nêu ở trên. Sở Xây dựng kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo một số nội dung sau:

(1) Sở Xây dựng: Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra đối với các Doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản (*đất san lấp, đá xây dựng, cát xây dựng*) làm vật liệu xây dựng thuộc đối tượng thực hiện Kê khai giá trên địa bàn tỉnh, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/6/2026.

(2) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện rà soát chính xác nguồn cung VLXD hiện nay, từ đó xây dựng phương án, giải pháp để đáp ứng nhu cầu về VLXD trên địa bàn tỉnh như: đấu giá, nâng công suất cấp phép... để đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hồ sơ cấp phép, để sớm đưa các mỏ đá trúng đấu giá vào hoạt động khai thác cung cấp vật liệu cho thi công công trình trên địa bàn tỉnh;

- Làm việc với các đơn vị đã được cấp phép, đang đủ điều kiện hoạt động để yêu cầu các đơn vị phải cam kết sản xuất tối đa công suất được cấp phép. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nghiêm các trường hợp đã được cấp phép, nhưng sản xuất thấp hơn nhiều so với công suất được cấp phép hoặc dừng sản xuất nhưng không có lý do chính đáng;

- Đối với 41 Giấy phép khai thác đá tại xã Quý Lộc đã được liên ngành kiểm tra: Rà soát nguyên nhân đối với 01 đơn vị được cấp phép nhưng không thuê được đất; 01 đơn vị không tổ chức khai thác và 14 đơn vị khai thác với trữ lượng thấp hơn 80% công suất cấp phép; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm nếu có phát hiện hiện tượng găm hàng, không bán hàng gây tình trạng khan hiếm nguồn cung vật liệu đá xây dựng trên địa bàn tỉnh (*tại cột số 5, 6 phụ kèm theo*).

(3). Chi cục Quản lý thị trường Thanh Hóa: Căn cứ kết quả kiểm tra của Đoàn liên ngành nêu trên; căn cứ chức năng nhiệm vụ để xử lý vi phạm hoặc tham mưu xử lý vi phạm (nếu có) đối các đơn vị không thực hiện kê khai, niêm yết thông tin giá tại mỏ hoặc không gửi kê khai giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã nêu ở trên theo quy định tại Nghị định số 87/2024/NĐ-CP ngày 12/7/2024 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong

quản lý giá (tại cột số 7, 8 phụ lục kèm theo).

(4). Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội đá Thanh Hóa

- Có văn bản yêu cầu các hội viên trong hiệp hội có các mỏ đất, đá, cát được cấp phép khai thác trên địa bàn tỉnh thực hiện sản xuất tối đa công suất được cấp phép để đáp ứng nguồn cung đất, đá, cát trên địa bàn tỉnh.

- Trong thời gian qua do biến động đột biến của giá xăng, dầu, nên phần lớn các doanh nghiệp sản xuất VLXD đã tăng giá bán; nhưng đến nay giá xăng, dầu đã giảm, nên đề nghị các Hiệp hội có Văn bản gửi các Doanh nghiệp khai thác, chế, sản xuất đất, đá, cát trên địa bàn tỉnh thực hiện điều chỉnh giá bán theo mức giá xăng, dầu hiện nay.

Sở Xây dựng kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các sở: Tài chính, Công Thương, NN&MT;
- Ban QL KKT Nghi Sơn và các KCN;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND các phường, xã;
- Các Ban QLDA ĐTXD cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng: HĐXD, KHTC, Ban QLBT;
- Lưu: VT, KTVL. (Đức)

GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Đồng

Phụ lục: Kiểm tra các đơn vị sản xuất, chế biến đá kê khai giá trên địa bàn xã Quý Lộc
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVL ngày tháng năm 2026 của Sở Xây dựng)

TT	Tên đơn vị	Giấy phép khai thác	Công xuất cấp phép (m3/năm)	Đơn vị chưa đủ điều kiện khai thác	Đơn vị đủ điều kiện khai thác nhưng không hoạt động khai thác	Khai thác nhưng trữ lượng khai thác thấp (nhỏ hơn 80% công suất thiết kế)	Đơn vị không thực hiện kê khai giá gửi về UBND xã và Sở Xây dựng		Đơn vị không niêm yết giá bán tại nơi sản Xuất	Tổng sản lượng khai thác, chế biến VLXD thông thường thực tế (nguyên khối m3/năm)		Trữ lượng khai thác còn lại
							Năm 2025	Quý 1/2026		Năm 2025	Quý 1/2026	
(1)	(2)	(3)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)	(8)	(9)	(9)	
1	Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ thương mại Nhật Minh	Giấy phép số 170/GP-UBND ngày 19/9/2024	185.000			x				79.168	34.755	6.050.683
2	Công ty TNHH Dịch vụ kinh doanh Tổng hợp Tây Thành	Giấy phép số 291/GP-UBND ngày 12/8/2014	115.000			x				18.213	14.788	2.977.574
		Giấy phép số 36/GP-UBND ngày 28/02/2025										
3	Công ty TNHH Phúc Đạt	Giấy phép số 155 GP-UBND ngày 16/9/2020	30.000			x				10.935	4.318	395.616
4	Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh	Giấy phép số 73/GP-UBND ngày 10/7/2023	69.000			x				43.890	7.939	1.883.255
5	Công ty TNHH Trường Thịnh	Giấy phép số 112/ GP-UBND ngày 30/8/2023	61.000			x				42.058	9.475	3.040.314
6	Công ty TNHH Xây dựng Giao thông thủy lợi Tân Sơn	Giấy phép số 304/GP-UBND ngày 25/8/2014	10.000			x				6.321	0	189.209
7	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khánh Thành	Giấy phép số 249/GP-UBND ngày 10/7/2014	47.000			x				13.569	7.815	813.345
		Giấy phép số 46/GP-UBND ngày 06/3/2025										
8	Công ty TNHH Dân Nam	Giấy phép số 322/GP-UBND ngày 08/9/2014	8.000							6.452	1.780	100.258
9	Công ty TNHH Tuấn Hùng	Giấy phép số 349/GP-UBND ngày 30/9/2014	30.000							25.122	9.621	674.901
10	Công ty TNHH đá Tiến Thành	Giấy phép số 399/GP-UBND ngày 04/11/2014	12.000							15.907	3.800	262.712
11	Công ty TNHH Hoàng Quân	Giấy phép số 438/GP-UBND ngày 27/11/2014	8.000		x						0	
12	Công ty TNHH đá tự nhiên Nam Giang	Giấy phép số 96/GP-UBND ngày 19/6/2019	15.000							14.232	1.913	140.000
13	Công ty TNHH vật liệu xây dựng đá Minh Thành	Giấy phép số 425/GP-UBND ngày 13/11/2014	12.000							9.268	3.722	233.306

TT	Tên đơn vị	Giấy phép khai thác	Công xuất cấp phép (m3/năm)	Đơn vị chưa đủ điều kiện khai thác	Đơn vị đủ điều kiện khai thác nhưng không hoạt động khai thác	Khai thác nhưng trữ lượng khai thác thấp (nhỏ hơn 80% công suất thiết kế)	Đơn vị không thực hiện kê khai giá gửi về UBND xã và Sở Xây dựng		Đơn vị không niêm yết giá bán tại nơi sản Xuất	Tổng sản lượng khai thác, chế biến VLXD thông thường thực tế (nguyên khối m3/năm)		Trữ lượng khai thác còn lại
							Năm 2025	Quý 1/2026		Năm 2025	Quý 1/2026	
(1)	(2)	(3)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)	(8)	(9)	(9)	
14	Công ty TNHH Tiến Thịnh	Giấy phép số 60/GP-UBND ngày 13/4/2020	59.000							43.962	13.447	1.549.181
15	Công ty CP Mạnh Tân	Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 19/01/2015	30.000							25.095	6.041	603.000
16	Công ty TNHH thương mại tổng hợp Bình Minh	Giấy phép số 236/GP-UBND ngày 20/7/2018	30.000							28.924	4.564	24.965
17	Công ty TNHH Anh Tú	Giấy phép số 141/GP-UBND ngày 10/4/2015 (QĐ đc tên ks số 1678 ngày 25/4/2024)	30.000							33.634	7.219	431.616
18	Công ty TNHH Xuân Trường	Giấy phép số 74/GP-UBND ngày17/5/2019	93.000									2.050.000
19	Công ty xây lắp điện và xây dựng thủy lợi Thăng Bình	Giấy phép số 300/GP-UBND ngày 30/7/2015	15.000							13.656	0	3.670
20	Công ty TNHH thương mại Hùng Hiền	Giấy phép số 92/GP-UBND ngày19/3/2018	12.000							11.925	5.067	286.806
21	Công ty TNHH sản xuất đá Vạn Long	Giấy phép số 371/GP-UBND ngày 22/9/2015	25.000							23.370	4.680	472.815
22	Công ty CP Phú Thắng	Giấy phép số 202/GP-UBND ngày 22/6/2018	60.000							53.991	21.221	910.378
23	Công ty TNHH Xăng dầu Thanh Túy	Giấy phép số 357/GP-UBND ngày 09/9/2015	114.000			x				54.769	10.548	1.703.989
		Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 23/01/2025										
24	Công ty CP Sản xuất đá Đông Dương (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Phúc Hương)	Giấy phép số 186/GP-UBND ngày 28/10/2020	18.000							17.020	3.807	388.400
25	Công ty TNHH Tuyển Huế (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Trường Đạt)	Giấy phép số 182/GP-UBND ngày 17/9/2021		x								
26	Công ty TNHH Tuyển Huế	Giấy phép số 418/GP-UBND ngày 02/11/2015	108.000			x				32.707	7.642	2.422.841
		Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 27/02/2025										

TT	Tên đơn vị	Giấy phép khai thác	Công xuất cấp phép (m3/năm)	Đơn vị chưa đủ điều kiện khai thác	Đơn vị đủ điều kiện khai thác nhưng không hoạt động khai thác	Khai thác nhưng trữ lượng khai thác thấp (nhỏ hơn 80% công suất thiết kế)	Đơn vị không thực hiện kê khai giá gửi về UBND xã và Sở Xây dựng		Đơn vị không niêm yết giá bán tại nơi sản Xuất	Tổng sản lượng khai thác, chế biến VLXD thông thường thực tế (nguyên khối m3/năm)		Trữ lượng khai thác còn lại
							Năm 2025	Quý 1/2026		Năm 2025	Quý 1/2026	
(1)	(2)	(3)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)	(8)	(9)	(9)	
27	Công ty TNHH sản xuất thương mại Hưng Tùng	Giấy phép số 35/GP-UBND ngày 04/02/2021	55.000			x				25.950	14.752	1.387.369
28	Công ty TNHH Chế biến đá tự nhiên Nam Thái Sơn	Giấy phép số 222/GP-UBND ngày 08/11/2021	66.500			x				39.406	11.795	1.647.773
29	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh VLXD Hoàng Tú	Giấy phép số 453/GP-UBND ngày 20/11/2015	46.000							65.538	8.591	1.425.478
30	Công ty TNHH Tân Đạt	Giấy phép số 177/GP-UBND ngày 05/5/2016 (điều chỉnh công suất tại QĐ 1127/QĐ-UBND ngày 16/4/2025)	60.000							51.774	17.066	172.260
31	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Khoáng Sản FLC STONE	Giấy phép số 253/GP-UBND ngày 30/6/2016	52.000			x	x	x	x	11.609	4.074	311.257
32	Doanh nghiệp tư nhân Quế Hương - Yên Lâm	Giấy phép số 359/GP-UBND ngày 27/9/2016	15.000			x				9.640	643	1.394.536
33	Công ty TNHH xây dựng thương mại và sản xuất Hoàng Minh	Giấy phép số 323/GP-UBND ngày 21/8/2017	82.000							86.228	16.915	2.012.535
34	Công ty TNHH xây dựng thương mại Lộc Phúc	Giấy phép số 333/GP-UBND ngày 25/8/2017	20.000							18.728	4.146	298.657
35	Công ty TNHH Kiên Ngọc Thành	Giấy phép số 275/GP-UBND ngày 23/8/2018	143.000			x				26.583	3.932	3.800.000
		Giấy phép số 32/GP-UBND ngày 27/02/2025										
36	Công ty TNHH Minh Thức	Giấy phép số 81/GP-UBND ngày 01/6/2020	30.000							31.299	7.729	751.409
	Tổng cộng		1.765.500							990.943	273.805	40.810.108